

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 23/5/2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu T

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Hữu H , bà Nguyễn Thị Hải M

- Thư ký phiên tòa: ông Trương Tấn H – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 23/5/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình phúc thẩm thụ lý số 40/2021/TLPT-HNGĐ ngày 09/12/2021 do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 37/2021/HNGĐ-ST ngày 23/9/2021 của Tòa án nhân dân C, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXPT-HNGĐ ngày 14/4/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lê Thị Th, sinh năm 1981.

Địa chỉ: thôn 2, xã Diễn Kỷ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị Th: chị Trần Thị H Y , sinh năm 1996; địa chỉ: xóm Tây Hà, xã T C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Lê Thị Th: ông Nguyễn Cao Tr - Luật sư, Văn phòng Luật sư C thuộc Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An; vắng mặt;

Bị đơn: anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: thôn 2, xã Diễn Kỷ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An; có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Ngô Thị H, sinh năm 1945; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1977; có mặt.

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1968; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn Á, sinh năm 1971; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn 2, xã Diễn Kỷ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; có mặt.

Địa chỉ: thôn 5, xã Diễn Kỷ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; có mặt.

Địa chỉ: xóm Hải Đông, xã Diên Bích, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: ông Trần Minh Sơn, sinh năm 1979; địa chỉ: số 31, ngõ 1 Kim Mã, phường Kim mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T, anh Á, chị Nguyễn Thị H, anh H, anh T: chị Phạm Thị H, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn 2, xã Diên Kỳ, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An; có mặt.

* *Người kháng cáo:* anh Nguyễn Văn T; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/9/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết sơ thẩm nguyên đơn chị Lê Thị Th trình bày:

Sau một thời gian tìm hiểu, chị Th và anh Nguyễn Văn T đã tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đô Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính tình cũng như quan điểm sống với nhau. Vợ chồng thiếu sự yêu thương tin tưởng lẫn nhau, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ mà vợ chồng xúc phạm đá đập nhau. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hợp, hai bên không còn tiếng nói chung. Từ tháng 03/2020 đến nay vợ chồng sống ly thân cắt đứt mọi quan hệ không còn đi lại với nhau. Nay xét tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Diên Châu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung, gồm: Nguyễn Văn Tiến, sinh ngày 02/4/2000; Nguyễn Thị TH, sinh ngày 16/9/2002 và Nguyễn Văn Thương, sinh ngày 15/12/2008. Hiện cháu Tiến và cháu TH đã trưởng thành khỏe mạnh lao động bình thường nên chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Thương hiện ở cùng anh T, ly hôn chị Th có nguyện vọng giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục và chị sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng có tạo dựng được khối tài sản chung, gồm: 553m² đất và 01 ngôi nhà Thái mái bằng có diện tích khoảng 95m² tọa lạc trên thửa đất số 156, tờ bản đồ số 05 tại thôn 2 xã Diên Kỳ, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An đã được UBND huyện Diên Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 378144 ngày 26/11/2013 mang tên Nguyễn Văn T, Lê Thị Th; công trình phụ gồm nhà bếp và nhà vệ sinh; 01 (một) mái tôn trước nhà; 06(sáu) cống đựng nước mưa; 01 (một) cổng sắt. Nay ly hôn chị Th yêu cầu Tòa án chia tài sản chung cho hai vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bao quanh Thửa đất số 156, tờ bản đồ số 05 tại thôn 2, xã Diên Kỷ, huyện Diên Châu của vợ cH có một bờ bao được xây bằng sò tấp lô nhưng anh T, chị Th tự chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên toà sơ thẩm bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh xác định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn với chị Lê Thị Th như chị Th trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ cH không có mâu thuẫn gì nhưng anh T cho rằng chị Th đã không chung thủy với anh, nay chị Th làm đơn ly hôn thì anh đề nghị chị Th vì con cái nên suy nghĩ lại để vợ cH đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng nếu chị Th kiên quyết ly hôn thì anh T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ cH có ba con chung Nguyễn Văn Tiến, sinh ngày 02/4/2000; Nguyễn Thị TH, sinh ngày 16/9/2002 và Nguyễn Văn Thượng, sinh ngày 15/12/2008. Hiện cháu TH và cháu Tiến đã trưởng thành nên anh không có yêu cầu gì. Còn cháu Thượng đang ở với anh nên anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc cháu Thượng cho đến lúc trưởng thành và yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/ tháng kể từ tháng 03/2020 cho đến khi cháu Thượng trưởng thành.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ cH có tạo lập được 01 (một) căn nhà mái bằng có diện tích khoảng 95m² tọa lạc trên thửa đất số 156, tờ bản đồ số 05 tại thôn 2, xã Diên Kỷ, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An đã được UBND huyện Diên Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 378144 ngày 26/11/2013 mang tên Nguyễn Văn T, Lê Thị Th và công trình phụ gồm nhà bếp và vệ sinh; một mái tôn trước nhà; 06 (sáu) công dụng nước mưa; 01 (một) cổng sắt. Nếu ly hôn anh T đồng ý chia các tài sản trên theo pháp luật. Còn đối với Quyền sử dụng đất thửa đất số 156, tờ bản đồ số 05, diện tích 553m² tại thôn 2, xã Diên Kỷ, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An đã được UBND huyện Diên Châu cấp giấy chứng nhận QSD đất số BQ378144 ngày 26/11/2013 mang tên Nguyễn Văn T, Lê Thị Th là do bố mẹ anh T cho vợ cH để vợ cH sống hạnh phúc, nuôi dạy con cái nhưng nay chị Th yêu cầu ly hôn thì anh đề nghị trả lại cho bố mẹ anh. Ngoài ra bao quanh Thửa đất số 156, tờ bản đồ số 05 tại thôn 2, Diên Kỷ của vợ cH có một bờ bao được xây bằng sò tấp lô nhưng anh T, chị Th tự chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Hiện tại anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, các đơn trình bày và tại phiên toà sơ thẩm người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị H trình bày: Năm 2013 vợ cH bà H, ông Toàn, anh T và chị Th có lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nhưng với điều kiện là anh T, chị Th sử dụng mảnh đất để chăm sóc cho gia đình và chăm sóc, báo hiếu bố mẹ cH, chăm sóc bố mẹ lúc ốm đau. Nhưng hiện nay anh T

và chị Th không thực hiện yêu cầu trên mà làm thủ tục ly hôn thì bà H yêu cầu Tòa án tuyên bố “hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” lập ngày 09/10/2013 giữa bà H, ông Toàn và anh T, chị Th vô hiệu.

Tại các bản tự khai và tại phiên toà sơ thẩm những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Hoà, anh Á, chị H, chị T và người đại diện theo ủy quyền của anh Hoà, anh Á, chị H, chị T là chị Phạm Thị H thống nhất trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà H và đề nghị Tòa án tuyên bố “hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 09/10/2013 giữa bà H, ông Toàn và anh T, chị Th” vô hiệu.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị Th trình bày về việc chia tài sản chung vợ chồng: Năm 2013, ông Toàn và bà H đã tự nguyện tặng cho vợ chồng anh T, chị Th và đã thực hiện hợp đồng tặng cho theo đúng quy định pháp luật đối với tài sản là Quyền sử dụng đất thửa đất số 156, tờ bản đồ số 05 diện tích 553m² tại thôn 2, xã Diễn Kỷ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Đến ngày 26/11/2013 anh T, chị Th được UBND huyện Diễn Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 378144 mang tên Nguyễn Văn T và Lê Thị Th. Như vậy Quyền sử dụng đất thửa đất số 156, tờ bản đồ số 05, diện tích 553m² tại thôn 2, xã Diễn Kỷ, huyện Diễn Châu là tài sản chung của vợ chồng anh T, chị Th. Vì vậy khi giải quyết ly hôn chị Th đề nghị Tòa án chia thửa đất trên theo pháp luật và chị Th có nguyện vọng nhận phần đất không có công trình xây dựng gì. Ngoài ra vợ chồng anh T, chị Th có khối tài sản là 01 ngôi nhà thái mái bằng có diện tích khoảng 95m² có giá trị 284.800.000 đồng; công trình phụ gồm nhà bếp và vệ sinh có giá trị 25.000.000 đồng; 01 (một) mái tôn có giá trị 9.500.000 đồng; 06 (sáu) cống đựng nước mưa có giá trị 1.000.000 đồng; 01 (một) cổng sắt có giá trị 1.800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trên đất là 322.100.000 đồng. Nếu ly hôn chị Th đề nghị Tòa án chia tài sản là động sản trên theo pháp luật và chị có nguyện vọng giao cho anh T toàn bộ tài sản là động sản trên còn anh T phải trả cho chị Th phần chênh lệch tài sản là 161.050.000 đồng.

Tại biên Bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu và Biên bản định giá tài sản ngày 07/01/2021 của Hội đồng giá tài sản thể hiện diện tích thửa đất số 156, tờ bản đồ số 05, tại thôn 2, xã Diễn Kỷ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An là 553m² (đất ở 200m², đất vườn 353m²), giá đất ở là 1.200.000 đồng/m², giá đất vườn là 55.000 đồng/m², tổng trị giá đất là 259.415.000 đồng. 01 ngôi nhà thái mái bằng có diện tích khoảng 95m² có giá trị 284.800.000 đồng; công trình phụ gồm nhà bếp và vệ sinh có giá trị 25.000.000 đồng; 01 (một) mái tôn có giá trị 9.500.000 đồng; 06 (sáu) cống đựng nước mưa có giá trị 1.000.000 đồng; 01 (một) cổng sắt có giá trị 1.800.000 đồng; tổng giá trị tài sản gắn liền với đất là 322.100.000 đồng.

Với nội dung trên, tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 37/2021/HNGĐ-ST ngày 23/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn Th.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Văn Thượng, sinh ngày 15/12/2008 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Buộc chị Lê Thị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Thượng mỗi tháng là 1.500.000 đồng kể từ tháng 09/2021 cho đến khi cháu Thượng trưởng thành.

Chị Lê Thị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh Nguyễn Văn Th cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung vợ chồng.

3.1. Xác định Quyền sử dụng đất thửa đất số 156, tờ bản đồ số 05, diện tích 553m² tại thôn 2, xã Diễn Kỷ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất là tài sản chung của anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Th.

3.2. Giao cho anh Nguyễn Văn T được quản lý và sử dụng 329m² trong đó có 100m² đất ở và 229m² đất nông nghiệp có giá trị là 132.595.000 đồng nằm ở phía Bắc của thửa đất có tứ cận như sau: phía Bắc giáp đất nhà ông Trần Văn Sơn có chiều dài 23,7m; phía Tây giáp đường GTNT có chiều dài 13,2m; phía Đông giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Thại có chiều dài 15m; phía Nam giáp đất của chị Lê Thị Th dài 22,4m.

Giao cho anh Nguyễn Văn T quản lý và sở hữu 01 (một) ngôi nhà mái bằng và công trình phụ gồm nhà bếp và vệ sinh; 01 (một) mái tôn trước nhà; 06 (sáu) cống đựng nước mưa; 01 (một) cổng sắt tổng giá trị là 322.100.000 đồng.

Giao cho chị Lê Thị Th được quản lý, sử dụng 224m² (trong đó có 100m² đất ở và 124 m² đất nông nghiệp) có giá trị 126.820.000 đồng nằm ở phía Nam của thửa đất có tứ cận như sau: Phía Tây giáp đường GTNT có chiều dài là 10m tính từ mép đất giáp nhà ông Lê Hữu Thọ; phía Nam giáp đất nhà ông Lê Hữu Thọ có chiều dài 22,4m; phía Đông giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Thại có chiều dài là 10m; phía Bắc giáp phần đất được giao cho anh Nguyễn Văn T có chiều dài 22,4m.

Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch tài sản được nhận cho chị Lê Thị Th là 60.000.000 đồng.

Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Th tự liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Không chấp nhận yêu cầu tuyên bố “Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” ngày 09/10/2013 giữa bà Ngô Thị H, ông Nguyễn Huy Toàn và anh Nguyễn Văn T, chị Lê Thị Th là vô hiệu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/9/2021, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T; người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị H, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn Á, chị Nguyễn Thị H là chị Phạm Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Văn T khẳng định, anh T chỉ kháng cáo yêu cầu Tòa án tuyên bố “Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” do phòng Công chứng Phủ Diễn xác lập ngày 26/11/2013 giữa bà Ngô Thị H, ông Nguyễn Huy Toàn và anh Nguyễn Văn T, chị Lê Thị Th là vô hiệu và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 378144 do UBND huyện Diễn Châu cấp ngày 26/11/2013 mang tên Nguyễn Văn T, Lê Thị Th đối với thửa đất số 156, tờ bản đồ số 05, diện tích 553m² tại thôn 2, xã Diễn Kỷ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An để trả lại quyền sử dụng thửa đất này cho bà H; còn các quyết định khác của bản án sơ thẩm, anh T đồng ý không có ý kiến gì.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị T và người đại diện theo ủy quyền của chị H, chị T, anh Nguyễn Văn Á, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn T, bà Ngô Thị H đều đồng ý với ý kiến của anh T và đều thừa nhận những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ủy quyền cho chị Phạm Thị H kháng cáo.

Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của anh T; đề nghị xác định thửa đất nêu trên là tài sản chung của vợ chồng và đề nghị chia thửa đất cho chị Th, anh T như cấp sơ thẩm, nhưng về diện tích xác định theo kết quả thẩm định của Tòa án cấp phúc thẩm.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo ủy quyền của các đương sự đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: kháng cáo của anh Nguyễn Văn T về việc yêu cầu tuyên bố “Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” do phòng Công chứng Phủ Diễn xác lập ngày 26/11/2013 giữa bà Ngô Thị H, ông Nguyễn Huy Toàn và anh Nguyễn Văn T, chị Lê Thị Th vô hiệu là không có căn cứ nên không được

chấp nhận; kháng cáo yêu cầu hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 378144 do UBND huyện Diễn Châu cấp ngày 26/11/2013 cho anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Th diện tích 553m² tại thửa đất số 156, tờ bản đồ số 05, tại thôn 2, xã Diễn Kỳ, huyện Diễn Châu để trả lại quyền sử dụng đất cho bà H, nội dung này tại cấp sơ thẩm đương sự không yêu cầu nên không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T, tuyên giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm; sửa phần diện tích theo đo đạc bằng máy do cấp phúc thẩm thực hiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về yêu cầu của các đương sự thể hiện chị Th là nguyên đơn yêu cầu ly hôn, giao con chung và chia tài sản là quyền sử dụng đất và các tài sản trên thửa đất số 156, tờ bản đồ số 05, diện tích 553m² tại thôn 2, xã Diễn Kỳ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An; anh Nguyễn Văn T là bị đơn không có yêu cầu phản tố; bà Ngô Thị H là người có quyền và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là tuyên bố “Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” lập ngày 09/10/2013 giữa bà H, ông Toàn và anh T, chị Th vô hiệu; anh Nguyễn Văn Hoà, anh Nguyễn Văn Á, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị T là người có quyền và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Trong đơn của bà H, cũng như các bản tự khai của đại diện theo uỷ quyền của bà H, những người có quyền và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập anh Nguyễn Văn Hoà, anh Nguyễn Văn Á, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị T, anh T (là con của bà H) thống nhất với yêu cầu của bà H là đề nghị Toà án tuyên bố văn bản công chứng “Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” do phòng Công chứng Phủ Diễn xác lập ngày 26/11/2013 là vô hiệu. Tại phiên toà phúc thẩm, chị Phạm Thị H, anh T, chị T, chị Nguyễn Thị H và người đại diện theo uỷ quyền của bà H đều khẳng định yêu cầu của bà H là tuyên bố “*Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*” do phòng Công chứng Phủ Diễn xác lập ngày 26/11/2013 giữa bà H, ông Toàn và anh T, chị Th là vô hiệu, chứ không phải là hai yêu cầu tuyên bố “*Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*” vô hiệu và yêu cầu tuyên bố “*văn bản công chứng*” vô hiệu.

[2] Tại đơn kháng cáo đề ngày 28/9/2021 (BL148), chị Phạm Thị H là người đại diện theo uỷ quyền của bà H, anh Hoà, anh Á, chị Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Thấy rằng: Thứ nhất, bà Ngô Thị H, anh Hoà, anh Á, chị Nguyễn Thị H chỉ là người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, nếu có kháng cáo cũng chỉ được kháng cáo phần có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình. Thứ hai, trong giấy uỷ quyền (BL116) của bà H, anh Hoà, anh Á, chị Nguyễn Thị H cũng chỉ uỷ quyền cho chị Phạm Thị H tham gia các phiên toà và một số nội dung liên quan đến Toà án, không có nội dung uỷ quyền cho chị Phạm Thị H kháng cáo bản án. Tại phiên toà phúc thẩm, chị Phạm Thị H, chị T, chị Nguyễn Thị H và người đại diện theo uỷ quyền của bà Ngô Thị H cũng thừa nhận

những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ủy quyền cho chị Phạm Thị H kháng cáo. Do đó, chị Phạm Thị H không có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Vì vậy, cấp phúc thẩm không xét nội dung kháng cáo của chị Phạm Thị H.

[3] Đối với nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Văn T đề nghị cấp phúc thẩm tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 378144 do UBND huyện Diễn Châu cấp ngày 26/11/2013 mang tên Nguyễn Văn T, Lê Thị Th đối với thửa đất số 156, tờ bản đồ số 05, tại thôn 2, xã Diễn Kỷ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Thấy rằng: Trong đơn yêu cầu độc lập của bà Ngô Thị H ngày 26/5/2021 là yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng “Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” do phòng Công chứng Phủ Diễn xác lập ngày 26/11/2013 là vô hiệu và yêu cầu Toà án tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 378144 do UBND huyện Diễn Châu cấp ngày 26/11/2013 cho anh Nguyễn Văn T, chị Lê Thị Th (BL 02). Sau đó tại đơn trình bày (BL 63), bà Ngô Thị H đã rút yêu cầu tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 378144 do UBND huyện Diễn Châu cấp ngày 26/11/2013 mang tên Nguyễn Văn T, Lê Thị Th. Vì vậy, cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét nội dung kháng cáo này. Bà H đã rút yêu cầu khởi kiện nhưng cấp sơ thẩm không đình chỉ yêu cầu của bà H là thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

[4] Trong đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn T là kháng cáo toàn bộ bản án, nhưng phần trình bày anh T chỉ đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bố “Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” do phòng công chứng Phủ Diễn xác lập ngày 26/11/2013 giữa bà H, ông Toàn và anh T, chị Th đối với thửa đất số 156, tờ bản đồ số 05, tại thôn 2, xã Diễn Kỷ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An là vô hiệu và yêu cầu Tòa án tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 378144 do UBND huyện Diễn Châu cấp ngày 26/11/2013 cho anh Nguyễn Văn T, chị Lê Thị Th đối với thửa đất nêu trên. Tại phiên toà phúc thẩm, anh T cũng khẳng định chỉ kháng cáo nội dung trên, còn về quan hệ tình cảm, con chung và các tài sản khác anh đồng ý như bản án sơ thẩm, không có ý kiến gì. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét quan hệ tình cảm, quan hệ con chung và các tài sản khác.

[5] Đối với nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Văn T đề nghị cấp phúc thẩm tuyên bố “Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” do phòng Công chứng Phủ Diễn xác lập ngày 26/11/2013 giữa bà Ngô Thị H, ông Nguyễn Huy Toàn và anh Nguyễn Văn T, chị Lê Thị Th là vô hiệu. Lý do là không đáp ứng được mục đích, yêu cầu tặng cho, chị Th đã không thực hiện lời cam kết với vợ chồng bà H là chăm sóc bố mẹ chồng khi tuổi cao, sức yếu. Xét thấy: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Toàn, bà H và vợ chồng anh T, chị Th đối với thửa đất số 156, tờ bản đồ số 05, tại thôn 2, xã Diễn Kỷ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An là tự nguyện, không ai bị ép buộc hay lừa dối. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đã được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật và anh T, chị Th đã được UBND huyện Diễn Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình

giải quyết vụ án, bà H, anh T, anh H, anh Á, chị Nguyễn Thị H, chị T và người đại diện theo ủy quyền là chị Phạm Thị H đều thừa nhận bà H, ông Toàn đã tự nguyện, không bị ai ép buộc khi lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh T và chị Th. Bà H và anh T cho rằng khi lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có điều kiện là anh T và chị Th phải chăm sóc bố mẹ anh T lúc ốm đau, già yếu nhưng nay chị Th đã bỏ đi, không chăm sóc bà H. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Th không thừa nhận điều kiện của hợp đồng, người kháng cáo cũng cho rằng điều kiện tặng cho đó cũng chỉ là thỏa thuận miệng giữa các thành viên trong gia đình. Trong hợp đồng cũng không thể hiện điều kiện là vợ chồng anh T, chị Th sau khi nhận tài sản tặng cho thì phải chăm sóc bà H khi tuổi cao sức yếu, nếu không thực hiện thì phải trả lại tài sản, nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của anh T.

[6] Cấp sơ thẩm đã xác định quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 156, tờ bản đồ số 05, diện tích 553m² tại thôn 2 xã Diên Kỷ, huyện Diên Châu là tài sản chung của anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Th là phù hợp với Điều 59 Luật hôn nhân và Gia đình. Khi phân chia tài sản đã chia cho anh Nguyễn Văn T được hưởng hơn 2/3 giá trị tài sản (394.695.000 đồng), còn chị Lê Thị Th chưa được 1/3 giá trị tài sản (186.820.000 đồng) là đã tính toán, xem xét đến tài sản là quyền sử dụng đất có nguồn gốc là của bố mẹ anh T để xác định anh T có công sức đóng góp nhiều hơn là hợp tình, hợp lý.

[7] Thửa đất số 156, tờ bản đồ số 05 được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 553m². Diện tích đo đạc theo hiện trạng sử dụng là 570,9m², chênh lệch 17,9m². Kết quả xác minh sở dĩ có sự chênh lệch này là do đo đạc, còn ranh giới thửa đất đã rõ ràng, ngăn cách với các thửa đất khác là tường rào xây, không có sự lấn chiếm hay chồng lấn với các thửa liền kề, phù hợp với quy hoạch của địa phương. Cấp sơ thẩm chỉ phân chia theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là khó khăn cho công tác thi hành án. Vì vậy cần sửa án sơ thẩm về phần diện tích được giao theo hiện trạng. Theo kết quả thẩm định tại giai đoạn phúc thẩm thì anh Nguyễn Văn T được quyền sử dụng 344,5m² (trong đó có 100m² đất ở và 244,5m² đất nông nghiệp bao gồm cả 15,5m² chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), chị Lê Thị Th được quyền sử dụng 226,4m² (trong đó 100m² đất ở và 126,4m² đất nông nghiệp bao gồm cả 2,4m² chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

[8] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Văn T thỏa thuận ly hôn. Tuy nhiên, quyết định của bản án sơ thẩm tuyên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn Th; đồng thời giao anh Nguyễn Văn Th cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là không đúng tên đương sự trong vụ án. Cấp phúc thẩm cần tuyên lại cho đúng, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[9] Về án phí: Theo kết quả định giá quyền sử dụng đất ở là 1.200.000 đồng/m², đất vườn (đất nông nghiệp) là 55.000 đồng/m², thì giá trị quyền sử dụng đất anh Nguyễn Văn T được hưởng là 133.447.500 đồng cộng với giá trị tài sản trên đất là 322.100.000 đồng; tổng 455.547.500 đồng. Sau khi trích chênh lệch chia tài sản cho chị Th số tiền 60.000.000 đồng, thì giá trị tài sản anh Nguyễn Văn T được chia là 395.547.500 đồng. Giá trị tài sản chị Th được chia là 186.952.000 đồng. Vì vậy cần phải tính án phí sơ thẩm theo giá trị mà chị Th và anh T được chia. Anh T kháng cáo, có nộp đơn xin miễn, giảm án phí do hoàn cảnh khó khăn, nhưng không có xác nhận của chính quyền địa phương về việc hiện tại anh T có khó khăn như trình bày không; mặt khác, theo bản án này anh T được chia tài sản, do đó anh T có tài sản để nộp toàn bộ tiền án phí mà anh T phải chịu. Vì vậy, cấp phúc thẩm không có cơ sở để xét miễn, giảm án phí cho anh T. Anh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Giai đoạn xét xử phúc thẩm, chị Lê Thị Th đã nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Chị Th có ý kiến tự nguyện chịu chi phí này, không yêu cầu các đương sự khác hoàn trả nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[11] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T; sửa án sơ thẩm về diện tích đất giao cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Th; sửa tên đương sự thuận tình ly hôn.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 148, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, 273, 293 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, 55, 56, 58, 59, khoản 2 Điều 62, Điều 81, 82, 83; 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 688, 722, 723, 724, 725, 726 Bộ luật dân sự 2005; Điều 167, 168 Luật đất đai năm 2013; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 13, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Văn Thượng, sinh ngày 15/12/2008 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Buộc chị Lê Thị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Thượng mỗi tháng là 1.500.000 đồng kể từ tháng 9/2021 cho đến khi

cháu Thượng trưởng thành. Chị Lê Thị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản:

3.1. Giao cho anh Nguyễn Văn T được quyền sử dụng 329m² (trong đó có 100m² đất ở, 229m² đất nông nghiệp) và tạm giao cho anh T được quyền sử dụng 15,5m² đất nông nghiệp, tại thửa đất số 156, tờ bản đồ số 05, tại thôn 2, xã Diên Kỳ, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An trị giá 133.447.500 đồng, có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đất nhà ông Trần Văn Sơn; Phía Tây giáp đường GTNT; Phía Đông giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Thái; Phía Nam giáp đất của chị Lê Thị Th (Kích thước, độ dài các cạnh như sơ đồ kèm theo bản án phúc thẩm). Anh Nguyễn Văn T có quyền sở hữu toàn bộ tài sản nằm trên thửa đất được giao gồm 01 (một) ngôi nhà mái bằng và công trình phụ gồm nhà bếp và vệ sinh; 01 (một) mái tôn trước nhà; 06 (sáu) cống đựng nước mưa; 01 (một) cống sắt, trị giá 322.100.000 đồng. Tổng giá trị tài sản giao cho anh Nguyễn Văn T là 455.547.500 đồng. Buộc anh Nguyễn Văn T phải trích chênh lệch chia tài sản cho chị Lê Thị Th số tiền 60.000.000 đồng. Giá trị tài sản còn lại anh Nguyễn Văn T được chia là 395.547.500 đồng.

3.2. Giao cho chị Lê Thị Th được quyền sử dụng 224m² (Trong đó có 100m² đất ở và 124m² đất nông nghiệp) và tạm giao cho chị Th được quyền sử dụng 2,4m² đất nông nghiệp tại thửa đất số 156, tờ bản đồ số 05, tại thôn 2, xã Diên Kỳ, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An, trị giá 126.952.000 đồng, có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp phần đất giao cho anh Nguyễn Văn T; Phía Tây giáp đường GTNT; Phía Đông giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Thái; Phía Nam giáp đất của ông Lê Hữu Thọ (Kích thước, độ dài các cạnh như sơ đồ kèm theo bản án phúc thẩm). Chị Lê Thị Th được sở hữu số tiền 60.000.000 đồng do anh Nguyễn Văn T giao lại. Giá trị tài sản chị Lê Thị Th được chia là 186.952.000 đồng.

Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Th có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Ngô Thị H về yêu cầu tuyên bố “*Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*” do phòng Công chứng Phủ Diên xác lập ngày 26/11/2013 giữa bà H, ông Toàn và anh T, chị Th là vô hiệu.

5. Đình chỉ yêu cầu của bà Ngô Thị H về việc huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 378144 do UBND huyện Diên Châu cấp ngày 26/11/2013 mang tên Nguyễn Văn T, Lê Thị Th đối với thửa đất số 156, tờ bản đồ số 05, tại thôn 2, xã Diên Kỳ, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về án phí:

Chị Lê Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 9.347.000 đồng án phí chia tài sản chung. Tổng chị Lê Thị Th phải chịu 9.947.000 đồng tiền án phí nhưng được khấu trừ 9.447.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004301 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Chị Lê Thị Th còn phải nộp 500.000 đồng tiền án phí.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 19.777.000 đồng án phí chia tài sản chung, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001466 ngày 29/11/2021 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Anh Nguyễn Văn T còn phải nộp 19.477.000 đồng tiền án phí.

Miễn nộp tiền án phí dân sự cho bà Ngô Thị H.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu T

